

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 12 – 2025
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Quang Sơn.
- Ông Phạm Hữu Ai.

- Thư ký phiên tòa Ông Phan Vĩnh Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 731/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 827/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, năm sinh 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp F, xã T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Bùi Thành T, năm sinh 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Bùi Thành T tự nguyện chung sống từ năm 2009, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 132 quyển số 01 ngày 09/9/2015. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông T nhậu nhẹt, về đánh vợ con, năm 2020 ông T ngoại tình, bỏ đi và sống chung với người phụ nữ khác. Bà L và ông T không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Bà [Nguyễn Thị Cẩm L](#) ly hôn ông [Bùi Thành T](#).

+ Về con chung: Quá trình chung sống, bà [L](#) và ông [T](#) có 02 con chung là [Bùi Trung N](#) sinh ngày 19/8/2011, [Bùi Ngọc Bảo T1](#) sinh ngày 17/9/2015; từ năm 2020 đến nay, 02 con chung do bà [L](#) nuôi dưỡng, nay bà [L](#) yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông [T](#) phải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự, và tại phiên tòa ông [T](#) trình bày: Ông [T](#) và bà [L](#) không còn chung sống với nhau khoảng 07 năm nay, ông [T](#) đồng ý ly hôn bà [L](#). Về con chung: Từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì 02 con chung ở cùng bà [L](#) tại Đồng Nai, ông [T](#) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng [Bùi Ngọc Bảo T1](#) sinh ngày 17/9/2015, không yêu cầu bà [L](#) cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến của con chung: 02 con chung có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng:

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định. Đương sự đã tuân thủ đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho bà [L](#) và ông [T](#) được ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao cả 02 con chung cho bà [L](#) tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Bà [L](#) phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà [Nguyễn Thị Cẩm L](#) khởi kiện yêu cầu ly hôn ông [Bùi Thành T](#) và tranh chấp nuôi con chung do đó Tòa án thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại [thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng](#) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà [Nguyễn Thị Cẩm L](#) và ông [Bùi Thành T](#) tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai \(nay là xã T, tỉnh Đồng Nai\)](#) nên hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, bà [L](#) ông [T](#) không còn

chung sống như vợ chồng từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn ông T. Tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và không còn chung sống với nhau khoảng 07 năm nay, ông T đồng ý ly hôn với bà L. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà L và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Bùi Trung N sinh ngày 19/8/2011, Bùi Ngọc Bảo T1 sinh ngày 17/9/2015, bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Ngọc Bảo T1. Xét thấy từ năm 2020 đến nay, 02 con chung đều do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, các con chung cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà L; ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Ngọc Bảo T1 nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ; Để bảo đảm quyền lợi và sự ổn định của con chung khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn ông Bùi Thành T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Trung N sinh ngày 19/8/2011, Bùi Ngọc Bảo T1 sinh ngày 17/9/2015, giao cả 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Bùi Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm L là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001499 ngày 30/7/2015 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 15 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ